TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/TCDS-ST
Ngày 23 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Ông Hoàng Thanh Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/TLST-TCDS ngày 01/8/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-TCDS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm: 1993
Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1986
Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Công Tuấn trình bày:

Ngày 02/7/2022, chị Hoàng Thị L có vay của anh số tiền 65.000.000 đồng, không có lãi suất, việc vay tiền có bà Nguyễn Thị C làm chứng. Chị L hứa trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng và hai tháng trả một lần là 5.000.000 đồng kể từ ngày 02/7/2022 cho đến khi trả hết nợ. Ngày 05/9/2022, chị L có chuyển khoản trả cho anh T 5.000.000 đồng, tiếp đó ngày 20/11/2022, chị L tiếp tục chuyển khoản trả cho anh T 2.000.000 đồng. Sau đó thì không trả nữa. Anh T đã nhiều lần đến nhà chị L để yêu cầu trả tiền nhưng chị L không có ý định trả. Nay anh Nguyễn Công T

khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị Hoàng Thị L trả cho anh số tiền còn lại là 58.000.000 đồng, anh T không yêu cầu chị L trả tiền lãi.

Về phía bị đơn, tại Biên bản lấy lời khai, chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị thừa nhận có vay của anh Nguyễn Công T số tiền 65.000.000 đồng như anh T đã trình bày. Quá trình vay, chị đã trả cho anh T hai lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị không có khả năng trả nợ nên chị có nguyện vọng xin khi nào có tiền thì chị sẽ trả nợ cho anh T.

Quá trình hòa giải, hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công T, buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho anh Nguyễn Công T tổng số tiền là 58.000.000 đồng; anh T không yêu cầu tính lãi

Về án phí: buộc chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.900.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho anh Nguyễn Công T số tiền tạm ứng án phí 1.450.000 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003397 ngày 25/7/2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Công T khởi kiện yêu cầu bị đơn là chị Hoàng Thị L trả nợ tiền vay. Đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được được xác định là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị L có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung của vụ án:

Xét thấy, Giấy mượn tiền ngày 02/7/2022 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên cho mượn là anh Nguyễn Công T và bên mượn là chị Hoàng Thị L, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Tại Giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận cứ hai tháng chị L trả cho anh T số tiền 5.000.000 đồng, kể từ ngày 02/7/2022 cho đến khi trả hết nợ. Quá trình mượn tiền, chị L chỉ trả cho anh T hai lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, số tiền còn lại 58.000.000 đồng chị Lập chưa trả cho anh T. Mặc dù anh T đã đến nhà yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L không trả cho anh T nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc chị L chậm trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công T là có căn cứ cần được chấp nhận, buộc chị Hoàng Thị L có trách nhiệm trả nợ số tiền 58.000.000 đồng cho anh T là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Hoàng Thị Lập L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 398, 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cuản Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho anh Nguyễn Công T tổng số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng chẵn)

2. Về án phí: Xử buộc chị Hoàng Thị L phải nộp 2.900.000 đồng *(Hai triệu chín trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho anh Nguyễn Công T số tiền tạm ứng án phí 1.450.000 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003397 ngày 25/7/2024

"Kể từ ngày tếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2024)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà